



ISSN 1859 - 2821

cây thuốc quý

ĐỒNG HÀNH VÌ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

SỐ 184
2011

DƯỢC LIỆU BIỂN ĐẢO
THẢO MỘC
HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Chuyên mục mới
HỘI NHẬP

Giá: 7.500đ



Thảo mộc Hoàng Sa & Trường Sa

VŨ HỮU SAN

LGT: Đây là một chương sách trong công trình khảo cứu công phu “ĐỊA LÝ BIỂN ĐÔNG VỚI HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA” của học giả Vũ Hữu San, hiện định cư tại Hoa Kỳ. Tác giả là người ngoại đạo về thực vật học, lại căn cứ vào tài liệu tham khảo đã cũ nên có thể chưa được cập nhật về các tên họ chi loài thực vật theo phân loại mới nhất. CTQ mạn phép tác giả đăng nguyên văn với mong muốn tiếp tục gợi hứng thú cho bạn đọc tìm hiểu sâu hơn về các loài thảo mộc trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như mọi miền biển đảo quê hương của Tổ quốc chúng ta.

TỔNG QUÁT VỀ THẢO MỘC CÁC ĐẢO NGOÀI BIỂN ĐÔNG.

Nói chung, thảo-mộc các đảo giữa Biển Đông không nhiều và không được to lớn như trong đất liền. Thảo mộc Hoàng Sa, Trường Sa cũng không tươi tốt khi đem ra so sánh với những cây cỏ mọc trên các đảo vịnh Bắc Việt, vịnh Phú Quốc. Về cây lớn, ít có đại thụ và không thấy các loại gỗ quý. Về thân thảo, đáng kể đến loại Nam Sâm mọc nhiều ở Trường-Sa và một số đảo khác ở Biển Đông. Đây là một dược liệu quý-giá. Một số loại cỏ hay giầy leo khác nữa mọc lung-tung nhưng không nhiều.

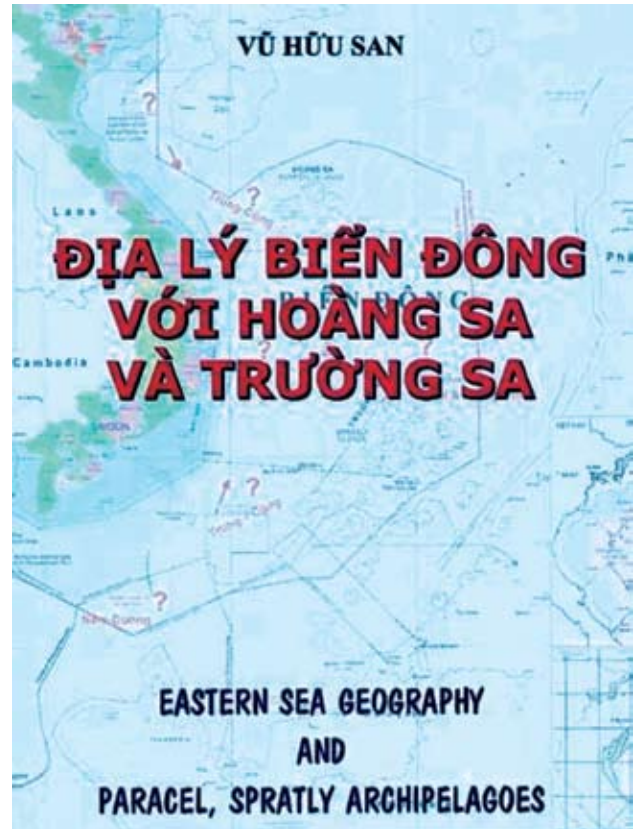
Trên duyên hải và trên những đảo ven biển Việt-Nam, cây dừa mọc khắp nơi và phi lao rất nhiều, Hoàng Sa và Trường Sa lại khác hẳn. Dừa và phi lao mọc trên các đảo thật thưa thớt, có đảo không có một cây dừa nào.

Linh-mục Henry Fontaine và giáo sư Lê Văn Hội xác định “Không có loại thảo-mộc nào là tại chỗ cả, tất cả từ vùng đất liền du nhập đến bằng nhiều cách ... Mọi thảo-mộc hiện có ở Hoàng Sa đều tìm thấy ở Việt-Nam, nhất là miền Trung Việt-Nam (Góp thêm vào sự tìm hiểu tộc đoàn thảo mộc trên quần đảo Hoàng Sa - báo Khảo cứu Niên san Khoa học Đại học đường Sài-Gòn 1957.)

TÀI LIỆU CỦA GIÁO SƯ FONTAINE.

Về dữ kiện khoa học, chúng tôi xin trích một vài đoạn trong bài “Hoàng-Sa dưới mắt nhà Địa-chất H. Fontaine” của Lạp Chúc Nguyễn Huy, đăng trong Đặc San Sử Địa số 29, năm 1975 để làm tài-liệu. Những chữ phần gc (ghi-chú) do chúng tôi mạn phép ghi thêm cho dễ hiểu :

... Về tộc đoàn thảo mộc, cho đến nay người ta mới biết có bốn loại: *Scaevola Koenigii* VAHL (Goodeniacee),



Wedelia biflora DC (Composée), *Guettarda speciosa* LINNé (Rubiacee) và *Tournefortia agentae* (Boraginacee) (Saurin, 1955, tr. 14-15.)

... Dưới đây là các định danh, một phần đã được ông Schmidt làm:

GRAMINÉES (gc= họ Hoà bản)

* *Eleusine indica* GAERTIN: đảo Pattle [Hoàng Sa] (ít gặp): cây gặp khắp nơi tại Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, Thái Lan. Vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới của cựu lục địa.

* *Eragrotis amabilis* WIGTH ET ARN: đảo Pattle [Hoàng Sa] (ít gặp): khắp nơi ở Việt-Nam, Ấn-độ, Mã-Lai.

* *Eriochloa racemosa* HACK: đảo Roberts (Hữu-Nhật) (ít) gặp khá thường ở Việt-Nam, Á-Châu, Phi Châu, Mã Lai, Úc đại Lợi.

* *Brachiaria distachya* A. CAMUS: đảo Pattle (Hoàng-Sa) ▶



Một hình-ảnh thảo-mộc quen thuộc ở Hoàng-Sa và Trường-Sa.

(ít): khắp nơi ở Việt-Nam, Ấn-Độ, Trung-Hoa, Mã Lai, Úc đại Lợi.

* *Lepturus repens* R. Br.: (ít); được thấy ở Bắc-Việt, Thái Lan, Tích Lan, Đại Dương Châu.

AMARANTACÉES (gc= họ Dền)

Achyranthes aspera LIN.: đảo Money (Quang Ảnh) (thường): cây mọc trên hoang-địa, rất thường ở Việt-Nam, CaoMiên, Ai Lao, Trung Hoa, Ấn Độ.

NYCTAGINACÉES (gc= họ Bông-phấn)

Boerhaavia repens LIN.: đảo Money [Quang Ảnh], đảo Drummond [Duy Mộng]: khắp nơi ở Việt Nam, Cao Miên, Hoa Nam, Ấn Độ, Phi Luật Tân, Java, Phi Châu, Mỹ Châu.

PORTULACACÉES (gc= họ Sam)

Portulaca pilosa LIN.: đảo Pattle (Hoàng Sa) (trên những lối đi); Trung Việt, Ai Lao, Thái Lan (xuất-xứ tại Châu Mỹ nhiệt-đới.)

LAURACÉES (gc= họ Quế)

Cassynia filiformis LIN.: đảo Pattle [Hoàng Sa], đảo Roberts [Hữu Nhật] thường gặp ở Việt Nam, vùng nhiệt-đới.

MALVACÉES (gc= họ Bụt)

Sida corylifolia WALL.: đảo Drummond [Duy Mộng]; cây mọc ở Bắc Việt, Ai Lao, Thái Lan, Hải Nam, Java, Madura, Phi-Luật-Tân. *Sida rhombifolia* LIN. var. *parvifolia* GAGNEP.: đảo Pattle [Hoàng-Sa] (ít), Trung Việt.

TILIACÉES (họ Cò-ke)

Triumfetta pseudocand SPER.: đảo Drummond (Duy-Mộng); thường gặp ở Việt-Nam, Thái Lan, Trung Hoa, Phi Luật Tân, Ấn-Độ.

Corchorus sp.: đảo Roberts [Hữu-Nhật.]

ZYGOPHYLLACÉES (gc= họ Quỷ-kiến sấu)

Tribulus terrestris LIN.: đảo Pattle (hiếm); cây mọc trên duyên-hải cát Trung và Nam Việt Nam. Vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới.

EUPHORBIACÉES (gc= họ Thầu-dầu)

Euphorbia thymofilia (BURM?); đảo Roberts [Hữu Nhật] (hiếm.)

Euphorbia Atotao.: đảo Pattle (Hoàng-Sa), cây trên duyên hải, thường gặp ở Việt-Nam, Ấn Độ, Indonésia, Phi luật Tân, Trung Hoa, Úc đại Lợi.

Phyllanthus Niruri LIN.: đảo Pattle (ít gặp): cây mọc trên hoang địa, ruộng vườn, khắp nơi ở Việt-Nam; Dưới chí tuyến.

LUGUMINEUSES PAPILIONÉES (gc = legumineuses, họ Đậu)

Phaseolus calcaratus (ROXB. ?): đảo Money (Quang-Ảnh) (thường gặp.)

CONVOLULACÉES (gc= họ Bìm bìm)

Ipomea Turpethum R. Br.: đảo Pattle (Hoàng-Sa.) đảo Roberts [Hữu-Nhật], đảo Drummond (Duy-Mộng): Việt Nam, Trung Hoa, Phi Luật-Tân, Timor, Java.

BORAGINACÉES (gc = họ Lưu-ly oa-củ)

Tournefortia argentea LIN. F.: đảo Pattle (Hoàng-Sa), đảo Robert (Hữu-Nhật): cây mọc Trung Phần Việt-Nam, Ấn Độ, Mã Lai, Tích Lan, Phi Luật Tân, Đài Loan.

VERBENACÉES (gc = họ Mã-tiên-thảo)

Premna sp.: đảo Money (Quang-Ảnh.)

Lippia nodiflora LIN.: Đảo Pattle [Hoàng-Sa]; cây bò trên đất, rất thường gặp ở Việt-Nam, nhất là trên vùng đất cát; Châu Mỹ nhiệt-đới và bán nhiệt đới và khắp Viễn đông.

Stachytarphita jamaicensis LIN.: đảo Pattle (Hoàng-Sa) (hiếm), đảo Robert (Hữu- Nhật) (thường gặp); khắp nơi ở Việt Nam. Cây xuất-xứ từ châu Mỹ nhiệt-đới .

GOODENIACÉES (gc = Cỏ gai)

Scaevola Koenigii VAHL. (gc= cỏ gai rất rậm rạp): các đảo Pattle, [Hoàng Sa] Money, [Quang-Ảnh], Roberts (Hữu-Nhật), Drummond (Duy Mộng), thường gặp ở vùng ven biển Việt Nam, vùng Đông Á nhiệt đới, Đại dương Châu.

RUBIACÉES (gc = Nhàu)

Morinda citrifolia LIN.. var *bracteata* HOOK: đảo Pattle, Roberts, Drummond; cây hoang và có khi được trồng ở Trung và Nam Việt-Nam, Ấn Độ, Tích Lan, Mã Lai. Cây này ít gặp trên quần đảo Hoàng-Sa (một hai cây trên mỗi đảo) và dường như được ngư dân mang đến và trồng vì dược tính.

Guettarda speciosa LIN.: đảo Money [Quang-Ảnh], đảo Drummond [Duy Mộng]; Nam Việt Nam, Cao Miên, Thái Lan, vùng nhiệt đới .

COMPOSÉES

Tridax procumbens LIN.: đảo Pattle (Hoàng-Sa), đảo Roberts (Hữu-Nhật); khắp nơi ở Việt-Nam, Ấn Độ.

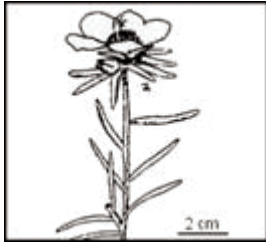
Wedelia biflora DC.: đảo Money (Quang-Ảnh), rất thường gặp ở Việt-Nam, Ấn Độ, Thái Lan, Trung Hoa, Phi Luật Tân.

Eupatorium sp.: đảo Pattle (Hoàng Sa) (hiếm.)



TÀI LIỆU GIÁO SƯ PHẠM HOÀNG HỘ

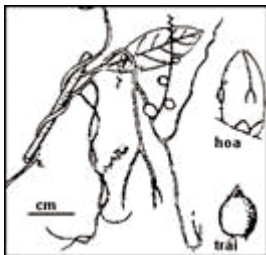
Chúng tôi xin mạn phép Giáo sư Phạm Hoàng-Hộ để được trình-bày một số hình vẽ trong tập sách Cây cỏ Việt Nam, 1993 của Giáo-sư về thảo-mộc Hoàng-Sa như sau:



Hoa mười giờ - họ Sam - (Cây cỏ Việt Nam, 1993.)

2611 - *Portulaca polosa* L. subsp. *grandiflora* (Hook.) Gees ... Lê nhi, Mười-giờ; Moss Rose, Pourpier. Cỏ *mập*, nhất hay da niên, thân không lông trừ ở mắt. Lá *mập*, hình trụ hay hơi dẹp. Hoa to, rộng 2-3 cm, *đơn hay đôi*, mọc như ở chót thân; tiểu nhụy nhiều. Hạp quả tròn, to 2-3 mm; hạt nhiều, đen, láng.

Gốc Argentin; rất nhiều thứ rất đẹp: **spenders** Hort., hoa đỏ; **albiflora** Hort., hoa trắng; **sulphurea** Hort., hoa vàng; **thelusionii** Hort., hoa cam vv ... Ornamental

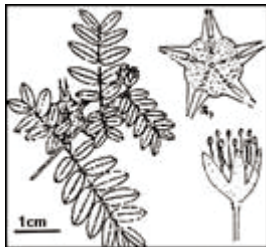


Cassytha filiformis (Cây cỏ Việt Nam, 1993.)

1367 - *Cassytha filiformis* L., Tơ xanh. Cỏ bán ký sinh vàng xanh, leo quấn, có vòi hút nhựa nguyên cây chủ; thân có lông mịn, to hơn loài trên (1,5 mm). Gié dài 2-5 cm; hoa nhỏ có 3 lá hoa phụ; đài và vành dính thành ống tròn; tiểu nhụy thụ 9, lép 3; noãn sào tự do. Bề quả cứng, đen, trong bao hoa đồng trứng.

Dùng làm thuốc trị bệnh phổi và dương mai. Nhiều ở rừng còi, rừng thưa khắp cùng; I-XII.

Hemiparasite a little more robust than the precedent; spike longer.



Qui Kiến Sấu (Cây cỏ Việt Nam, 1993.)

5179 - *Tribulus terrestris* L., Qui kiến sấu nhỏ, Tật lê, Gai ma vương. Cỏ nằm, đa niên, cỏ lông trắng nằm. Lá trong một cặp một to một nhỏ; lá-phụ có lông nằm trắng. Hoa nhỏ, rộng 5-8(20) mm; vành vàng xanh; cánh hoa nhỏ, ngắn hơn 1 cm, vảy mặt rời; tiểu nhụy 10; noãn sào có lông. Nang rộng 1,5 cm, kể cả gai, có lông. 2n = 36

Cây gốc sa mạc, chịu đất cát khô duyên hải đến núi cao; I-XII. Bỏ, kích dục, cầm máu; trị đau mắt; theo thuốc bắc, trái bổ thận, lợi tiểu, trị đau lưng, làm lạc thai ...

Perennial spreading herb; flowers yellow; petals less than 1 mm long.

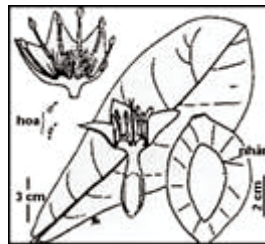
Quần-đảo Hoàng-Sa mới nổi lên gần đây. Các mảnh đất mới này tạo nên một chỗ trống cho cây cỏ đến và tiếp-tục đến chiếm lập. Từ các vùng đất lân bang đến bằng nhiều cách, các hạt giống đã nảy nở và thảo-mộc từ đó phủ trùm gần hết các đảo Pattle, Roberts, Money và Drummond; nhưng tộc đoàn thảo mộc đó chưa đủ thời gian để trải qua một tiến trình nhằm mang lại một đặc tính riêng-biệt. Không có loại thảo mộc nào là tại chỗ cả..."

TÀI-LIỆU GIÁO-SƯ SƠN HỒNG ĐỨC

Giáo-sư Sơn-Hồng-Đức cho các chi-tiết sau đây:

Loại cây cao thường thấy là các cây dừa và phi lao. Các cây này mọc lẻ tẻ không thành rừng, dừa gần mé nước, phi lao sống trên bãi thường nhỏ bé hơn những cây nơi vùng duyên hải.

Kế đó là Bàng Bể (Sea Almond), tên La-tinh *Terminalia*, thường cao cỡ 5 - 7m. Nhánh mọc ngang thành tầng, thân cây u nấn, lá to màu xanh vàng khi khô trở nên đỏ. Cây cho quả với nhân lớn và cứng, nướng chín ăn béo như hạnh-nhân.



Bàng Biển (Cây cỏ Việt Nam, 1993.)

3977 - *Terminalia catappa* L., Bàng biển; Sea Almond, Indian Almond; Badamier. Đại mộc cao 7-10 m, không lông; nhánh mọc ngang thành tầng. Lá có phiến to, hình muống, dài đến 30 cm, đỏ lúc khô, cuống ngắn. Gié ở nách lá; hoa nhỏ trắng trắng; thường lép thành hoa đực; cánh hoa vắng, tiểu nhụy 10; ở hoa cái noãn sào hạ. Quả nhân cứng chín vàng, xoan dẹp dẹp, dài 6-8 cm; nạc chua chua; hạt 1, có đầu, ăn được.

Tr dựa biển BTN; I-XII. Lá dùng nhuộm vàng khi thêm sắt vào.

Cultivated near sea shore.

Tơ như cây bàng có cây Mù U, tên La-tinh là *Calophyllum inophyllum*, lá xanh đậm, dài lối 2 tấc có nhiều gân phụ sít nhau màu nhạt hơn màu lá, hoa trắng có nhiều tiểu-nhụy màu vàng rất quyến rũ các loài bướm đóm. Trái Mù U cứng, tròn; thịt màu vàng khi khô nhẵn lại màu xám xịt. Người ta có thể lấy hạt ép dầu thấp đèn. Vỏ cây tiết ra mủ vàng, có người dùng trị ghê.

Cao chừng 4- 5m là loại cây cồng tàn lá đặc-biệt với các lá nhỏ không mấy rậm rạp. Thân cây cũng đặc biệt, nứt nẻ như những đường gân.



Mù U (Cây cỏ Việt Nam, 1993.)

1574 - *Calophyllum inophyllum* L., Mù-u; Alexander Laurel, Laurel Wood; Laurier d'Alexandrie. Đại mộc to; vỏ tiết oleoresin vàng-xanh. Lá có phiến tròn dài, dài đến 15-17 cm, xanh đậm, gân phụ nhiều, khít nhau. Chùm dài 5 cm; hoa trắng; lá dài 4, trắng; cánh hoa 4; tiểu nhụy nhiều, vàng; tâm bì không lông. Quả nhân cứng hình cầu vàng to đến 3 cm.

Mù và dầu lấy từ hạt có vị thuốc; gỗ lâu mục. Thông thường dựa rạch, bình nguyên, từ Hải phòng đến Panjang; IX-VI.

Tree; oleoresin green yellow; flowers white; drupe 3-4 cm diameter.

Ngoài ra có Cây Nhàu và Sồi Sim, tên La tinh là *Quercus Myrsinifolia* Blum xuất hiện rất ít ở vài đảo. Loại đại mộc này cao tới 13 - 15m, nhánh non không lông, lá thon ▶▶



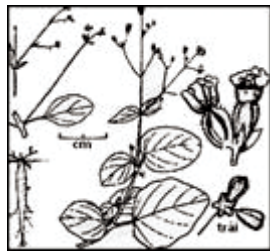
Nam sâm. *Boerhavia diffusa* L.

mẫu mọc ở bên dưới và xám lại lúc khô.

Dưới thấp có hội đoàn thảo mộc thích ứng với môi trường cát hay cát pha phosphate như:

- Họ Bìm-Bìm (Convolvulaceae) gồm Ipomea Bilola và Ipomea Littoralis
- Họ Hoà-Bàn như Cỏ Chông (Spinifex Littereus), Cỏ Cồng Cồng (Zoysia Matrella),
- Cỏ Xạ Tử (Sporobolus Virginicus.)
- Cỏ Cú mà dân đánh cá thường đào lấy củ về làm vị thuốc Bắc.

Loại thảo-mộc được ngư dân thích nhất là Nam Sâm, rất quý vì có dược liệu. Nam Sâm, tên La tinh là Boerhavia Vipeus, là một loại cỏ phần dưới trườn trên đất, ngọn cất đầu lên. Lá có mấy phiến xoan tròn dài, chùm mang tụ-tán 3 hoa.



Nam-Sâm là một dược-thảo mộc rất nhiều ở đảo Trường-Sa.

2549 - *Boerhavia diffusa* L., Nam sâm, Nam sâm bò; Spreading Hog-weed. Cỏ bò hay bò rỗi đứng, hay leo, có rễ phù như củ; thân có lông đầu phù, tiết. Phiến lá xoan tròn dài, hình tim, có khi màu đỏ; cuống dài 1-1,5 cm. Chùm mang tụ tán 3 hoa; cọng hoa rất ngắn, 0,2-2 mm; bao hoa hướng hay đỏ; ống 2 mm; tiểu nhụy 1-3. Hoa quả dài 2-3 mm, có 5 cạnh tròn và lông tiết trịn, có và không cọng.

Rễ (purnarnavin, alc.) trị ho, lợi tiểu, nhuận trường, thông nước. Dưa lộ, vườn, sân, 0-2000 m; I-XII.

Perennial weed: flowers shortly pedicelated, pink or red (B. repens L.).

Chung quanh các đảo còn có nhiều thứ rong biển. Một vài loại có thể sử-dụng như phân xanh bón cây, một số khác có thể khai-thác như rau câu, một dược liệu mà đồng thời cũng là món ăn hàng ngày của một số dân tộc Đông Nam Á. Nguồn lợi này có thể đưa đến hình thức xuất cảng được. Có hải tảo mệnh danh là “Euchecha” dùng làm nguyên liệu cho kỹ nghệ sản xuất mỹ phẩm như kem thoa mặt.

BÁO-CÁC CỦA KỸ SƯ TRỊNH TUẤN ANH.

Năm 1973, Kỹ-sư Trịnh Tuấn Anh sau khi khảo sát tổng quát địa lý, đã làm một phúc trình về đảo Nam Yết. Vì tình trạng thực vật ở đảo Nam Yết không khác mấy so với các đảo khác trong vùng nên ta có thể dùng phúc trình trên làm tiêu biểu. Kỹ sư họ Trịnh viết như sau: “Cây cối ở đây chỉ gồm một số ít loại có trái hoặc hạt từ các vùng duyên hải Việt Nam. Sarawak và các đảo lân cận trôi tấp vào đó mọc lên. Sinh cảnh thực vật chính ở trên hòn đảo gồm có Dừa và một loại cây thích-hợp với môi trường biển mọc chung quanh:

Tournefortia argentea Loài Boraginaceae

Cocos nucifera Loài Palmae

Ngoài ra còn một số ít cây khác với dây leo và cỏ, mọc rất tươi tốt gồm có:

-Bàng *Fagraea crenulata* Maingay Loganiaceae

-Nhàu *Morinda angustifolia* Roxb Rubiaceae

-Mù-u *Calophyllum Inophyllum* Lin Guttiferaceae

-Rau sam *Portulaca Oleracea* L. Portulacaceae

-*Thuarea involuta* R. Br Gramineae

Kỹ sư Trịnh Tuấn Anh có cùng nhận xét như giáo sư Sơn Hồng Đức về việc canh tác. Hai ông cho rằng các cây ăn trái như măng cầu hay nhãn và một vài loại hoa mẫu phụ như rau cải có thể thích-hợp nhất. Cây trái nên trồng ở giữa đảo và rau cỏ nên trồng vào mùa mưa. ■



GỬI BIỂN ĐẢO YÊU THƯƠNG

Anh đau lòng mỗi khi biển động
Sóng thần dâng đầu có phải tại em
Tại giếng bão, tại những hòn núi lửa
Nổi điên khùng làm mờ mặt trăng đêm.

Anh xót xa những khi sóng lớn
Cánh bướm yêu chao đảo giật hồn
Dim tình thương trong làn nước mặn
Biển đậm đà phải chịu cô đơn.

Anh ngậm ngùi khi bờ em xơ xác
Hàng dương buồn rủ tóc khóc nhớ trăng.
Đã biết rõ tình yêu đầy thử thách
Vẫn cảm thán ngày khi bị cách ngăn.

Anh vùng dậy khi kẻ nào áp đặt
Dọa không cho sóng tha thiết hồn bờ
Bắt em cần cho hàng dừa đau đớn
Mỗi mắt thương đảo nhỏ đứa con thơ.

Anh và em thể giữ gìn mãi mãi
Mặt nước xanh vờn tiếng mẹ ru hời
Bãi cát trắng ánh trăng vàng nhẹ trải
Biển đảo mình là máu thịt em ơi!

TRẦN THỊ TUYẾT